**BÀI 5 TIẾT:**

**Văn bản : HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ**

**( Hồi thứ 14) – Ngô Gia Văn Phái-**

 **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT :**

- Bước đầu làm quen với thể loại tiểu thuyết chương hồi.

- Hiểu được diễn biến truyện, giá trị nội dung, nghệ thuật của đoạn trích.

- Rèn kĩ năng tóm tắt văn bản tự sự, phân tích nhân vật

- Giáo dục hs thái độ kính trọng người anh hùng, lên án bè lũ cướp nước, bán nước

**I.ĐỌC –HIỂU CHÚ THÍCH**

**1. Tác giả :**

- Một nhóm tác giả thuộc dòng họ Ngô Thì ở Thanh Oai – Hà tây

- Ngô thì Chí (1758-1788) làm quan dưới thời Lê chiêu Thống

- Ngô thì Du ( 1772-1840) làm quan dưới thời Nguyễn

2. **Tác phẩm** :

**3.Thể loại:**

- Tiểu thuyết lịch sử chương hồi.(Thể Chí: Một thể vừa có tính văn học và lịch sử).

**4.Bố cục** :

- p1: Đầu → Mậu thân 1788 :Nhận tin cấp báo, lên ngôi hoàng đế, thân chinh đi đánh giặc

-p2 : Tiếp →Vào thành : Cuộc hành quân thần tốc, chiến thắng lẫy lừng của vua QT

-p3 : Còn lại : Sự đại bại của quân tướng nhà Thanh, sựu thảm hại vua quan Lê chiêu Thống

**II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN**

*1.****Hình tượng người anh hùng NH***:

a. **Nghe tin cấp báo**

 -Tức giận định cầm quân đi ngay

 -Lên ngôi hoàng đế để yên lòng dân

 - Xuất quân ra trận.

b. **Trên đường hành quân** :

 -Mời N.Thiếp đến hỏi tình hình

- Kén thêm lính , dụ binh sĩ

 - Tha tội cho Lân, Sở

 - Sắm sửa lễ cúng tết

 - Hẹn ngày mồng 5 vào thành ăn tết

=> Có trí tuệ, độ lượng, biết nhìn xa trông rộng.

c. **Chiến công đại phá quân Thanh**
 - Chia 5 đạo quân, QT trực tiếp cưỡi voi chỉ huy mũi tiến công:

 => Cách đánh: Bí mật, bất ngờ, thắng lợi không gây thương vong.

 - Trận Ngọc Hồi: Mờ sáng mồng 5 Chia nhiều mũi quân- bao vây- ghép ván phủ rơm,dàn trận chữ nhất -> Quân Thanh đại bại.

=> Cách đánh công phu, quyết liệt-> Địch không có đường lui.

 → Trần thuật cụ thể, miêu tả tỉ mỉ trong lời nói , hành động , trận đánh

 → QT là người mạnh mẽ , quyết đoán, trí tuệ sáng suốt, tài dụng binh như thần, nhạy bén, mưu cao → Là người tổ chức và linh hồn của chiến công vĩ đại

**2.Hình ảnh bọn cướp nước , bán nước**

a. Bọn cướp nước:

- Quân sĩ mải ăn chơi.

- Tướng kêu căng, chủ quan

- Hèn nhát , sợ mất mật tranh nhau chạy về nước giẫm đạp lên nhau mà chết

-> Thất bại thảm hại.

b. Bọn bán nước :

- Chạy bán sống, bán chết

- Cướp thuyền qua sông, phải nhịn đói -> nhục nhã.

**III/ Ghi nhớ** : SGK

**Dặn dò: Làm BT/SGK/72**

**TUẦN 4 TIẾT:23:**

 ***VĂN BẢN: TRUYỆN KIỀU CỦA NGUYỄN DU***

 **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT :**

- Bước đầu làm quen với thể loại truyện thơ Nôm trong văn học trung đại.

- Hiểu và lí giải được vị trí của tác phẩm Truyện Kiều và đóng góp của Nguyễn Du cho kho tàng văn học dân tộc.

- Rèn kĩ năng tóm tắt văn bản

- Giáo dục hs biết trân trọng những giá trị to lớn của kiệt tác văn học

1. **Tác giả** : Nguyễn Du( 1765-1820)

\*. Tên tự: Tố như

- Quê : Tiên Điền , nghi Xuân, Hà Tĩnh

- Sinh ra trong một gia đình quý tộc, có truyền thống văn học.

\*. Hoàn cảnh xã hội: đầy biến động:

- Chế độ phong kiến khủng hoảng trầm trọng,

- Phong trào khởi nghĩa nông dân phát triển

-> Ảnh hưởng đến ngòi bút của ông.

\* Cuộc đời: - Mồ côi từ nhỏ, học tập ở Thăng Long, 10 năm lưu lạc ở đất Bắc

-> Ông có ĐK nếm trải và gần gũi với đ/s người nông dân.

- Là người hiểu biết sâu rộng, vốn sống phong phú, có trái tim giàu lòng yêu thương.

- Giai đoạn làm quan ông đc đi chánh sứ Trung Quốc.

- Là danh nhân văn hoá thế giới

\* **Sự nghiệp** :

- Chữ Hán : ( 243 bài)

- Chữ Nôm : - Văn chiêu hồn

 - Truyện Kiều

2**. Tác phẩm** :

a. **Nguồn gốc :** Dựa theo cốt truyện “ Kim Vân Kiều Truyện” của Thanh Tâm Tài Nhân( TQ)

b. **Thể loại** :

Truyện Nôm theo thể thơ lục bát

c. **Tóm tắt** : Gồm 3254 câu thơ

-p1: Gặp gỡ và đính ước

-p2: Gia biến và lưu lạc

-p3 : Đoàn tụ

d. **Giá trị**

d1. **Nội dung**

\* **GT Hiện thực** : Phản ánh sâu sắc hiện thực xh đương thời với bộ mặt tàn bạo của tầng lớp thống trị và số phận những người bị áp bức đau khổ

\* **GTNhân đạo** :

-Thể hiện niềm cảm thương sâu sắc trước số phận đau khổ của con người

- Lên án tố cáothế lực tàn bạo chà đạp con ngưòi

- Trân trọng đề cao con người

**d2. Nghệ thuật** :

- Đạt đến đỉnh cao của ngôn ngữ nghệ thuật: mang chức năng biểu dạt, biểu cảm , thẫm mĩ..

- Nghệ thuật tự sự vượt bậc: Kể chuyện trực tiếp, gián tiếp, nữa trực tiếp

- Miêu tả tâm lí nhân vật, thiên nhiên đặc sắc

- Cốt truyện nhiều tình tiết phức tạp nhưng dễ hiểu

**TIẾT: : Văn bản**

 ***CHỊ EM THUÝ KIỀU***

 **(NGUYỄN DU)**

 **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT** :

* Thấy được tài năng, tấm lòng của thi hào dân tộc Nguyễn Du qua một đoạn trích trong Truyện Kiều.

-Bút pháp NT tượng trưng, ước lệ của Nguyễn Du trong miêu tả nhân vật.

-Giúp hs thấy rõ cảm hứng nhân đạo trong TK : Trân trọng ca ngợi vẻ đẹp của con người

-Rèn kĩ năng phân tích nhân vật, kĩ năng vận dụng nghệ thuật miêu tả trong bài viết TLV

-Giáo dục hs thái độ trân trọng vẻ đẹp con người

**I/ ĐỌC-HIỂU CHÚ THÍCH**

**1/Tác gỉa:**

**2/Tác phẩm:**

 - Nằm ở phần đầu , giới thiệu về gia cảnh của Kiều

-Bố cục :

- 4 câu đầu : Giới thiệu khái quát 2 chi em TK

- 4 câu tiếp : Vẻ đẹp của TV

- 12 câu tiếp : Vẻ đẹp của TK

- Còn lại : Cuộc sống chung của 2 chi em

**II/** **ĐỌC-HIỂU VĂN BẢN**:

**1**.**Chân dung 2 chị em** :

 - Tố nga: người con gái đẹp:

- “Mai cốt cách tuyết tinh thần”: dáng vẻ đẹp, thanh cao như cây mai, tinh thần trong trắng như tuyết.

→ Bút pháp ước lệ tượng trưng làm nổi bật vẻ đẹp duyên dáng, thanh cao trong trắng, hoàn mĩ nhưng không giống nhau của 2 chị em TK.

2. **Vẻ đẹp của Thuý Vân**

+ Khuôn trăng đầy đặn: Khuôn mặt tròn trịa

+ Nét ngài nở nang: Lông mày đậm

+ Hoa cười ngọc thốt: miệng cười tươi như hoa, tiếng nói trong như ngọc.

+ Mây thua, tuyết nhường:tóc đẹp hơn mây, da trắng hơn tuyết.

→ Bút pháp ước lệ , liệt kê,ẩn dụ, từ ngữ miêu tả đặc sắc: →Vẻ đẹp đoan trang phúc hậu quí phái, dự báo cuộc sống êm đềm suôn sẻ

3. **Vẻ đẹp của Kiều**

- Sắc sảo về trí tuệ , mặn mà về tài năng, tâm hồn

- Hình thức :

 + Mắt trong như nước mùa thu

 + Lông mày thanh tú như nét núi mùa xuân

 → Tuyệt thế giai nhân

- Tài năng : Cầm , kì , thi ,hoạ đều đạt đến mức lí tưởng. Ngoài ra nàng còn biết sáng tác nhạc: khúc nhạc bạc mệnh

- SD bút pháp ước lệ, ẩn dụ, nhân hóa, điển tích:

→Vẻ đẹp hoàn mĩ kết hợp giữa tài và sắc →Tạo hoá phải ghen ghét , đố kị → Dự báo số phận éo le , trắc trở

→ NT đòn bẩy, miêu tả TV làm nền nổi bật vẻ đẹp TK làm nổi bật chân dung của TK

**4.Cuộc sống của 2 chị em** :

- Đến tuổi cập kê, c/s êm đềm , hoà hợp

- Trong nề nếp , gia giáo

**III. Ghi nhớ : SGK**

**BÀI 6 Tiết : MIÊU TẢ, MIÊU TẢ NỘI TÂM, NGHỊ LUẬN TRONG VĂN TỰ SỰ**

I.**Tìm hiểu yếu tố miêu tả trong văn** **tự sự** :

**1.Ví dụ :**

a. Đoạn trích kể về trận đánh Đống Đa - Ngọc Hồi, vua QT người chỉ huy tướng sĩ

b. Các yếu tố miêu tả :

- Nhân có gió Bắc, khói toả mù trời , cách gang tấc không thấy gì, bỏ chạy tán loạn, giày xéo lên nhau mà chết, thây chất đầy đồng , máu chảy thành suối

 → Làm rõ hơn tài năng của QT, sự thất bại thảm hại của quân Thanh

c. Chi kể các sự kiện chính, bỏ các yếu tố miêu tả → Trận đánh khô khan , không hấp dẫn

2/ **Ghi nhớ :**

**II**.**Tìm hiểu yếu tố miêu tả nội tâm**

**1.VD1 :**

a. Câu tả cảnh : 4 câu đầu

 8 câu cuối

 Tả tâm trạng : 8 câu giữa

b. Những câu thơ tả cảnh cho thấy tâm trạng của nhân vật và ngược lại

c. Miêu tả nội tâm tái hiện được cảm xúc, ý nghĩ và diễn biến tâm trạng của nhân vật (đau đớn, xót xa)

**-** Có mối quan hệ qua lại.

- Từ mt hoàn cảnh, ngoại hình-> thấy tâm trạng bên trong của nhân vật, và từ tâm trạng ta hiểu được hình thức bên ngoài.

- Miêu tả nội tâm khắc hoạ chân dung tinh thần của nhân v ật, tái hiện những trăn trở, dằn vặt, những rung động tinh tế trong tình cảm, tâm trạng của nhân vật-> có vai trò to lớn trong khắc hoạ đặc điểm, tính cách nhân vật.

- Miêu tả ngoại hình, cử chỉ : Mặt co rúm lại, vết nhăn xô lại với nhau, cái đầu ngoeo về một bên, cái miệng mếu như con nít

- > Tâm trạng đau đớn ân hận

**2/ Ghi nhớ** : SGK

**III/** **Tìm hiểu yếu tố nghị luận trong văn tự sự**

1.**Ví dụ** : SGK

a.Suy nghĩ nội tâm của ông Giáo, ông tự thuyết phục mình rằng vợ mình không ác, để chỉ buồn chứ không nỡ giận.

\*. Lập luận của ông:

 - Nêu vấn đề : Câu 1

- Phát triển vấn đề : Câu 2,3,4,5

 - Kết thúc vấn đề : Câu 6

 + Sử dụng : **Câu khẳng định** ngắn gọn, mang tính chất nghị luận

 + **Từ nghị luận** : Nếu ..thì , Vì thế..cho nên , khi A thì B

 + **Tác dụng** : Thể hiện rõ tính cách ông giáo hiểu biết , trăn trở , luôn dằn vặt

 → Làm cho văn bản đậm chất triết lí

b. Cuộc đối thoại diến ra dưới hình thức NL phù hợp với một phiên toà.

- **Lập luận của Thuý Kiều** : chào hỏi, mỉa mai , đay nghiến

 “*Càng cay nghiệt lắm càng oan trái* *nhiều*” → Câu khẳng định

- **Lập luận của Hoạn Thư** :

 + Ghen là bản chất của đàn bà

 + Đối xử tốt khi gác viết Kinh

 + Chồng chung không ai nhường ai

 + Nhận lỗi nhờ sự khoan hồng

- **Kết quả** Kiều tha tội cho

- **Tác dụng** : Thể hiện tính cách độ lượng của TK và sự khôn ngoan của HT → Đoạn lập luận xuất sắc

2/ **Ghi nhớ** : SGK

- Đặc điểm : Lí lẽ dẫn chứng thuyết phục xuất hiện trong các đoạn văn

- Từ ngữ : Tại sao , thật vậy

- Câu khẳng định, phủ định

- Tác dụng : Câu chuyện thêm phần triết lí

**BÀI 4: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ VỰNG+ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ VỰNG(tt)**

**MỤC TIÊU CẦN ĐẠT :**

-Nắm được một trong những cách quan trọng để phát triển của từ vựng tiếng Việt là biến đổi và phát triển nghĩa cuả từ ngữ trên cơ sở nghĩa gốc.

-Giúp hs xác định dược nghĩa của từ : Nghĩa gốc và nghĩa phát sinh

-Giáo dục hs giữ gìn yêu quý Tiếng việt

**I.Sự biến đổi và phát triển nghĩa của từ**

**1.Giải thích từ :**

a.Kinh tế

 - Trong thơ PBC “Kinh bang tế thế” có nghĩa là “trị nước cứu đời”

- Ngày nay: Hoạt động lao động của con người trong lao động sản xuất, trao đổi , phân phối, sử dụng của cải vật chất

 → Nghĩa của từ không phải là bất biến, nó có thể thay đổi theo thời gian

**2. Tìm nghĩa.**

a. Xuân 1; Mùa xuân (nghĩa gốc)

 Xuân 2: Tuổi trẻ (Nghĩa chuyển)

 → Phương thức ẩn dụ

b-Tay 1: Bộ phận của con người để cầm nắm (nghĩa gốc)

- Tay 2: Người gioỉ về một lĩnh vực nào đó (nghĩa chuyển)

 →Phương thức hoán dụ

3. Có 2 phương thức chuyển nghĩa:

- Chuyển nghĩa theo phương thức ẩn dụ.

- Chuyển nghĩa theo phương thức hoán dụ.

**\*. Ghi nhớ: (sgk/56)**

**II.Tạo từ ngữ mới**

**1.Ví dụ 1**: X+Y

- ĐTD Đ: điện thoại vô tuyến nhỏ mang theo bên người, dùng trong vùng phủ sóng

- Kinh tế tri thức:Nền kt dựa vào sx, phân phối..có hàm lượng tri thức cao

- Đặc khu kinh tế : Khu vực riêng để thu hút vốn đầu tư nước ngoàivới những chính sách ưu đãi

- Sở hữu trí tuệ :Quyền sở hữu đối với các sản phẩm do hoạt động trí tuệ làm ra, được pháp luật bảo hộ

2.Ví dụ b: X+ tặc

- Lâm tặc

- Tin tặc

- Không tặc

- Hải tặc

-> Tạo ra các từ mới làm cho vốn từ tăng lên.

**\*2/ Ghi nhớ 1 : SGK**

**III. Mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài**

**1.Ví dụ** : Từ HV

a.Thanh minh, Tiết , Lễ , Tảo mộ , yến anh, đạp thanh , bộ hành, tài tử , giai nhân

b. Bạc mệnh , duyên , phận , thần linh, chứng giám,thiếp , đoan trang , trinh bạch, tiết

c/ AIDS

-Ma-két –ting

- Mượn từ tiếng Anh.

 → Nguồn gốc tiếng nước ngoài

=> Mượn tiếng nước ngoài để tăng vốn từ vựng. Bộ phận mượn quan trọng nhất trong TV là từ mượn tiếng Hán.

**\* 2/Ghi nhớ 2: sgk**

**Dặn dò:** Làm BT5/58,74

 **BÀI 9 TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG+ TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG(tt)**

**MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

- Hệ thống hoá kiến thức về từ vựng đã học từ lớp 6 đến lớp 9

- Biết vậndụng kiến thức đã học khi giao tiếp, đọc- hiểu và tạo lập văn bản.

- Rèn kĩ năng dùng từ đúng và hiệu quả

- Giáo dục hs ý thức tự giác học tập

**I/ Từ đơn, từ phức :**

**1.Khái niệm :**

- Từ đơn: Có một tiếng

- Từ phức : Gồm 2, 3 tiếng trở lên

- Từ phức: + Từ láy : quan hệ ngữ âm

 + Từ ghép : quan hệ về nghĩa

\*. Phân loại :

 Từ

 / \

Từ đơn Từ phức

 Từ ghép Từ láy

 / \ / \

CP ĐL HT BP

 / \

 Âm Vần

**II/ Thành ngữ :**

1.Khái niệm : Cụm từ cố định biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh

**III/ Nghĩa của từ:**

**1.Khái niệm :**

- Là nội dung mà từ biểu thị

**IV/ Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ**

**1.Khái niệm :**

- Từ nhiều nghĩa : Có 2 nghĩa trở lên.

- Hiện tượng chuyển nghĩa của từ

→Thay đổi nghĩa của từ

- Nghĩa gốc : nghĩa xuất hiện từ đầu, làm cơ sở hình thành nghĩa khác

- Nghĩa chuyển :Hình thành trên cơ sở nghĩa gốc

**V/ Từ đồng âm :**

1.Khái niệm :Là từ giống nhau về ngữ âm nhưng khác nhau về nghĩa

VD: Con kiến bò dĩa thịt bò

\*Phân biệt

- Đồng âm: nghĩa khác nhau

- Từ nhiều nghĩa: Xuất phát trên cơ sở nghĩa gốc, có nét tương đồng , tương cận

**VI/ Từ đồng nghĩa:**

**1.Khái niệm:** Giống nhau hoặc gần giống nhau về Nghĩa

**VII/ Từ trái nghĩa:**

1.Khái niệm: Là những từ có nghĩa trái ngược nhau

-Một từ nhiều nghĩa thuộc nhiều cặp từ trái nghĩa khác nhau

**VIII/** **Cấp độ khái quát nghĩa của nghĩa từ ngữ**

1. **Khái niệm:**

Nghĩa của từ này có thể rộng hơn hoặc hẹp hơn nghĩa của từ khác

**IX/** **Trường từ vựng**

1. **Khái niệm**

Là tập hợp của những từ có ít nhất một nét chung về Nghĩa

**Dặn dò**: làm các BT/SGK/123,124,125,126